TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2023/DS-ST
Ngày: 31-3-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tư.

2. Ông Nguyễn Văn Hiền.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 611/2022/TLST-DS ngày 22/11/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà M, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:*

1. Ông H, sinh năm 1976;

2. Bà T, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà M có mặt tại. Ông H, bà T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà M trình bày: Bà có tham gia chơi hụi do vợ chồng ông H, bà T làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi mùa 1,5 chỉ vàng 24K, một năm khui 03 lần vào tháng 02, tháng 5 và tháng 8, khui lần đầu vào ngày 20/8/2016 âm lịch, có tổng cộng 17 phần, thỏa thuận đăng ký hốt hụi, chứ không có bỏ thăm, hụi chết đóng 1,5 chỉ vàng 24K, hụi sống đóng 01 chỉ vàng 24K, tiền hoa hồng cho đầu thảo là 0,5 chỉ vàng 24K. Bà tham gia 01 phần (Trong danh sách hụi ghi tên là Mối) và còn sống, bà đã đóng đầy đủ 16 kỳ hụi, bà là người hốt hụi sau cùng. Như vậy tổng số vàng mà bà nhận được của dây hụi này sau khi trừ hoa hồng cho đầu thảo là 23,5 chỉ vàng 24K (1,5 chỉ vàng 24K x 16 phần – 0,5 chỉ vàng 24K = 23,5 chỉ vàng 24K), nhưng bà chỉ yêu cầu ông H, bà T trả số vàng vốn đã đóng là 16 chỉ vàng 24K.

Tuy nhiên, đến nay hụi đã kết thúc nhưng vợ chồng ông H, bà T vẫn không trả số vàng trên cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông H, bà T trả lại cho bà số vàng trên nhưng ông H, bà T vẫn không thực hiện.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông H và bà T liên đới trả ngay cho bà 16 chỉ vàng 24K.

Ông H, bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Ông H, bà T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông H, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà M, thấy rằng:

Bà M khởi kiện yêu cầu ông H, bà T liên đới trả ngay 16 chỉ vàng 24K, nhưng ông H, bà T không phản đối yêu cầu khởi kiện của bà M nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh. Do đó, ông H, bà T có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà M 16 chỉ vàng 24K.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

[4] Về án phí: Ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 288 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M.

2. Buộc ông H và bà T có nghĩa vụ liên đới trả ngay cho bà M 16 chỉ vàng 24K.

3. Về án phí: Ông H và bà T phải chịu 4.480.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà M 2.200.000 đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0016955 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

4. Bà M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Ông H, bà T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Công Vĩnh Đức